

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1148/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giữ: C
	Ngày: 16/6/2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển,
kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các
địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử phạt vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 292/TTr-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho 47 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia được giao tại Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện việc phân bổ, giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc bảo đảm tuân thủ quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, đúng nội dung đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 tại các Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021, Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại các Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022, Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định có liên quan.

2. Triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện nội dung, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo tiến độ thực hiện, giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2025 theo yêu cầu tại Công điện số 47/CĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2025, Công điện số 60/CĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Báo cáo kết quả phân bổ, giải ngân dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia về Bộ Tài chính, cơ quan chủ chương trình trước ngày 20 hàng tháng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Giám sát, đôn đốc tiến độ phân bổ, giao dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương và tổ chức thực hiện, giải ngân dự toán, kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương đảm bảo theo yêu cầu tại các Công điện số 47/CĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Công điện số 60/CĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tổng hợp tình hình thực hiện, giải ngân dự toán, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2025 của từng chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Tài chính trước ngày 25 hàng tháng.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra và cơ quan liên quan về tính chính xác của nội dung, số liệu báo cáo bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân 47 tỉnh, thành phố thuộc Trung ương được giao bổ sung dự toán, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 theo Điều 1 Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, DTTG, NNMT;
- HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố nêu tại Điều 1;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, NN, QHĐP, KGVX, QHQT, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, KTTT⁽²⁾₁₀₈



KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phớc



Phụ lục

GIÁO BỐ SỬNG DỰ TOÁN, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
NĂM 2025 CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(Kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG	1. CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	2. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	2. CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG SỐ	2.465.219	2.408.680	12.879	43.660
1	Hà Giang	242.751	240.331		2.420
2	Tuyên Quang	73.993	71.869	1.764	360
3	Cao Bằng	109.751	109.651		100
4	Lạng Sơn	84.977	84.977		-
5	Lào Cai	129.016	128.816		200
6	Yên Bái	120.316	110.658	9.328	330
7	Thái Nguyên	38.754	38.314		440
8	Bắc Kạn	108.031	107.831		200
9	Phú Thọ	50.429	49.759		670
10	Bắc Giang	3.010			3.010
11	Hoà Bình	35.497	35.207		290
12	Sơn La	155.603	155.603		-
13	Lai Châu	72.057	71.887		170
14	Điện Biên	159.210	159.050		160
15	Nam Định	410			410
16	Thái Bình	360			360
17	Thanh Hoá	58.204	58.204		-
18	Nghệ An	111.602	110.792		810
19	Hà Tĩnh	7.900	7.450		450
20	Quảng Bình	23.949	23.589		360
21	Quảng Trị	64.431	62.644	1.787	-
22	Huế	30.958	30.748		210
23	Quảng Nam	70.315	69.935		380
24	Quảng Ngãi	43.933	43.713		220
25	Bình Định	21.047	20.787		260
26	Phú Yên	10.946	10.726		220
27	Khánh Hoà	39.265	39.265		
28	Ninh Thuận	47.532	47.402		130
29	Bình Thuận	5.296	4.966		330
30	Đắk Lắk	189.329	188.939		390

TT	ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG	1. CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	2. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHEO BỀN VỮNG	2. CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)
31	Đắk Nông	30.155	29.895		260
32	Gia Lai	93.637	92.987		650
33	Kon Tum	58.871	58.871		-
34	Lâm Đồng	310			310
35	Bình Phước	76.897	76.537		360
36	Tây Ninh	6.030	5.750		280
37	Long An	540			540
38	Bến Tre	520			520
39	Trà Vinh	210			210
40	Vĩnh Long	3.289	2.989		300
41	Hậu Giang	6.020			6.020
42	Sóc Trăng	18.074	12.014		6.060
43	An Giang	520			520
44	Đồng Tháp	290			290
45	Kiên Giang	33.326	19.306		14.020
46	Bạc Liêu	4.206	4.066		140
47	Cà Mau	23.452	23.152		300